

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/DS-ST

Ngày: 23-10-2018

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Xuân Thủy;

Ông Lâm Minh Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Phong V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Thái S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Lê Phong V trình bày:

Giữa ông với vợ chồng ông S, bà M là bạn bè do trước đây ông và ông S học chung lớp Cao đẳng sư phạm Tây Ninh với nhau. Vào cuối tháng 6/2017

(dương lịch) ông S có gọi điện thoại trực tiếp cho ông để hỏi vay tiền và ông đồng ý nên vào ngày 28/7/2017 (dương lịch) bà M là vợ ông S đến nhà ông nhận tiền, viết giấy biên nhận và ký nhận vay của ông số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Số tiền này bà M đã trả cho ông. Đến ngày 31/7/2017 (dương lịch), bà M đến nhà ông viết giấy biên nhận và ký nhận vay thêm số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đồng/1ngày/1.000.000 đồng, hứa 01 tháng sẽ trả lại nhưng sau đó không trả. Đối với số tiền vay này ông S có đến nhà ông 01 lần để đóng tiền lãi và có ký giấy đóng tiền lãi cho ông nhưng giấy này ông đã làm mất.

Đến ngày 15/8/2017 (dương lịch), bà M tiếp tục đến nhà ông viết giấy biên nhận và ký nhận vay thêm số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Số tiền vay này hai bên cũng thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/1ngày/1.000.000 đồng. Tại giấy biên nhận này bà M hứa trong thời hạn 02 tháng sẽ trả hết cho ông số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, bao gồm số tiền vay 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng của ngày 31/7/2017. Nhưng sau khi viết giấy biên nhận bà M không thực hiện việc trả tiền gốc như thỏa thuận trong biên nhận nhưng có trả lãi cho ông đối với số tiền của 02 lần vay kể từ ngày vay cho đến hết tháng 3/2018.

Nay ông yêu cầu ông Ngô Thái S và bà Phan Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay gốc 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, không tính lãi suất.

Bị đơn – bà Phan Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Ngô Thái S: Tòa án đã triệu tập họp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng ông S, bà M không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông V nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phong V đối với ông Ngô Thái S và bà Phan Thị M. Nhưng cần khấu trừ số tiền lãi ông S, bà M đã đóng vượt quá mức quy định vào số tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn cư trú tại Tổ 19, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông S.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Phong V thì thấy rằng: Tại phiên tòa, ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị M, ông Ngô Thái S trả cho ông tổng số tiền vay gốc 25.000.000 đồng còn nợ lại. Số tiền này bà M, ông S đã vay của ông làm 02 lần (lần 1: vay vào ngày 31/7/2017 số tiền 15.000.000 đồng, lần 02: vay vào ngày 15/8/2017 số tiền 10.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng M cho yêu cầu khởi kiện của ông là 02 giấy biên nhận tiền do bà M viết và ký tên.

Xét thấy: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn – ông V đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho phía bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng bà M, ông S. Bà M, ông S đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông V.

Do đó, có cơ sở kết luận giữa ông V và vợ chồng bà M, ông S có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản với nhau vào năm 2017 như ông V đã trình bày.

Tuy nhiên, về lãi suất: Tại phiên tòa, ông V thừa nhận đã nhận của vợ chồng ông S, bà M từ ngày vay đến hết tháng 3/2018 với mức lãi suất 2.000đồng/ngày/1.000.000 đồng, tương ứng 6%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật. Mức lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành là không được vượt quá 20%/năm. Do đó, phải tính lại phần lãi suất các đương sự đã thỏa thuận với lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) để khấu trừ, cụ thể:

- Lãi suất các bên đã thỏa thuận:

+ Đối với số tiền 15.000.000 đồng vay ngày 31/7/2017, tính đến ngày 31/3/2018, ông V đã nhận 08 tháng tiền lãi: $15.000.000 \text{ đồng} \times 6\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 7.200.000 \text{ đồng}$; Đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 15/8/2018, tính đến ngày 31/3/2018, ông V đã nhận 07 tháng 16 ngày tiền lãi: $10.000.000 \text{ đồng} \times 6\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 4.520.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, ông V đã thực nhận của bà M, ông S 11.720.000 đồng tiền lãi của số tiền vay 25.000.000 đồng.

- Lãi suất theo quy định của pháp luật:

+ Đối với số tiền 15.000.000 đồng vay ngày 31/7/2017, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2018) là 14 tháng 23 ngày: $15.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 3.699.000 \text{ đồng}$; Đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 15/8/2017, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2018) là 14 tháng 08 ngày: $10.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 2.382.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, tiền lãi theo quy định của pháp luật của số tiền vay 25.000.000 đồng là 6.081.500 đồng.

Phần lãi chênh lệch ông V thực nhận và tiền lãi theo quy định của pháp luật: $11.720.000 \text{ đồng} - 6.081.500 \text{ đồng} = 5.638.500 \text{ đồng}$. Đây là phần tiền lãi suất vượt quá theo quy định của pháp luật. Do đó, cần khấu trừ số tiền lãi suất vượt quá vào tiền vay gốc: $25.000.000 \text{ đồng} - 5.638.500 \text{ đồng} = 19.361.500 \text{ đồng}$.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông V là có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 19.361.500 đồng. Ông Lê Phong V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 5.638.500 đồng không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phong V về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S.

Buộc bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Phong V số tiền vay gốc 19.361.500 (mười chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn năm trăm) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phong V yêu cầu bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S trả số tiền 5.638.500 (năm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị M và ông Ngô Thái S phải chịu 968.000 (chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Phong V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 662.500 (sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0019244 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông V được nhận lại 362.500 (ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng